

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **32/2019/DS-ST**

Ngày: 20/11/2019

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán: Bà **Nguyễn Hoài Phương**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Bà **Lương Thị Phương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** - Kiểm sát viên

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Quang Huy** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/DSST ngày 17 tháng 06 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2019/QĐXX- DS ngày 27/08/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2019/QĐST-DS ngày 26/09/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 136/2019/QĐST-DS ngày 22/10/2019, giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V** (gọi tắt là VBank). Địa chỉ trụ sở: số 89 phố L, phường L, quận Đ, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm Luật Ngân hàng VBank Hội Sở (theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ – HĐQT ngày 02/03/2018). Ông Phạm Tuấn A ủy quyền cho:

1. Ông **Vương Văn T** - Trưởng bộ phận xử lý nợ - VBank AMC.

2. Bà **Doãn Thị Thục A** – Chuyên viên xử lý nợ - VBank AMC. (theo Văn bản ủy quyền số 1442/2019/UQ – VPB ngày 01/03/2019). (Có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: 1. Ông **Nguyễn Khánh H**, sinh năm 1961 (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh năm: 1969.

Ông H, bà D cùng có hộ khẩu thường trú và ở tại : số 6 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H.

(Bà D có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1990;

2. Chị **Nguyễn Khánh H**, sinh năm 1998

Anh T và chị H hiện có hộ khẩu thường trú và ở tại : số 6 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H.

(Anh T, chị H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo biên bản khai báo của đương sự ngày 17/07/2018 vụ việc liên quan đến việc khai trong quá trình xử lý giải quyết vụ việc - nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam do bà Doãn Thị Thực A là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D có ký với Ngân hàng Vbank – Chi nhánh H có ký 07 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 1.973.000.000đ, trong đó:

1. Hợp đồng tín dụng trả góp số LD0915600208 ký ngày 05/06/2009; số tiền 250.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn xây sửa nhà ; thời hạn vay 60 tháng. (5 năm). Lãi suất 1,10%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà D ông H số tiền 250.000.000đ theo Phụ lục hợp đồng và Phụ lục khế ước nhận nợ số 01/PL- KUNN ngày 24/01/2014.

2. Hợp đồng tín dụng số 21012014-089-CN (LD1402400531) ký ngày 24/01/2014; số tiền 140.000.000đ; thời hạn vay 84 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: mua sắm trang thiết bị và nội thất trong gia đình. Phương thức giải ngân 1 lần bằng hình thức chuyển khoản. Lãi suất: 10,6%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày 01/4/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà D ông H số tiền 140.000.000đ theo Khế ước nhận nợ lần 01/số 21012014-089-CN ngày 24/01/2014.

3. Hợp đồng tín dụng số 3131839 (LD1509000894) ký ngày 31/03/2015; số tiền 100.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình. Phương thức giải ngân 1 lần bằng hình thức chuyển khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà D ông H số tiền 100.000.000đ theo Khế ước nhận nợ lần 01/số 3131839 ngày 31/03/2015. thời hạn vay 60 tháng thời hạn vay 60 tháng ; Lãi suất: 12%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày 01/7/2015.

4. Hợp đồng tín dụng số 4118676 (LD1521801396) ký ngày 06/08/2015; số tiền 610.000.000đ; thời hạn vay 120 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua thiết bị nội thất gia đình. Phương thức giải ngân 1 lần bằng hình thức chuyển khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà Diệp ông Hòa số tiền 610.000.000đ theo Khế ước nhận nợ lần 01 số 4118676 ngày 06/08/2015 ; thời hạn vay 120 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh hàng tạp hóa. Lãi suất : 8,99%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày 06/8/2016.

5. Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 511027 (LD1531000680) ký ngày 06/11/2015; số tiền 183.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Mua sắm dụng cụ gia đình. Phương thức giải ngân 1 lần bằng hình thức chuyển khoản. Lãi suất 20%/năm. (Mức lãi suất này là cố định, không thay đổi trong suốt thời hạn vay). Quá trình thực hiện hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà D số tiền 183.000.000đ.

6. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dự phòng số 5231326 ngày 23/11/2015; giá trị hạn mức 690.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh hàng tạp hóa. Lãi suất : 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà D ông H số tiền 490.000.000đ theo khế ước nhận nợ lần 01/ số 5231326 (LD1532700821) ký ngày 23/11/2015; Phương thức giải ngân 1 lần bằng hình thức chuyển khoản. Lãi suất : 10%/năm và được điều chỉnh 1 tháng/lần kể từ ngày 23/02/2016. Theo Khế ước nhận nợ lần 02 số 5231326 (LD1605500666) ngày 24/02/2016 giải ngân số tiền 200.000.000đồng. Lãi suất: 10%/năm và được điều chỉnh 1 tháng/lần kể từ ngày 24/5/2016.

* Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: nhà 2D, ngõ 05, phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H (nay là số 06 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và quyền sử dụng đất ở số 10101135197, hồ sơ gốc 4863.2002.QĐUB/22326.2002 do UBND thành phố H cấp ngày 11/07/2002; ngày 19/02/2004 đăng ký sang tên ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D; theo Hợp đồng thế chấp số 7622.09. Quyền số 02/TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng số 1 thành phố H ngày 05/06/2009 và các phụ lục hợp đồng gồm: Phụ lục của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7622..09 ký ngày 05/06/2009 ngày 13/09/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/PLHĐTC ngày 24/01/2014 sửa đổi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá trị 2.120.000.000đồng, số tiền cho vay tối đa cao nhất 1.000.000.000đồng; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 31/03/2015 sửa đổi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá trị 2.120.000.000đồng, số tiền cho vay tối đa cao nhất 1.250.000.000đồng; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 04/PLHĐTC ngày 05/08/2015 sửa đổi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá trị 2.113.000.000đồng, số tiền cho vay tối đa cao nhất 1.600.000.000đồng. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông H bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 09/5/2016. Nay đề nghị Tòa án xét xử:

- Buộc ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D phải thanh toán cho VBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng; tạm tính đến ngày 25/07/2019 là 3.044.802.281đ (trong đó nợ gốc: 1.634.608.862đ; nợ lãi 1.027.294.420đ. Tiền phạt chậm trả lãi: 358.498.999đồng. Hoàn lại ưu đãi: 24.400.000đ.

- Tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Nguyễn Thị Hồng D thực tế thanh toán hết nợ cho VBank.

- Đề nghị Tòa án tuyên cho VBank có quyền tự xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho VBank, cụ thể: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: nhà 2D, ngõ 05, phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H (nay là số 06 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và quyền sử dụng đất ở số 10101135197, hồ sơ gốc

4863.2002.QĐUB/22326.2002 do UBND thành phố H cấp ngày 11/07/2002; ngày 19/02/2004 đăng ký sang tên ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D.

*** Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:**

Bà có quan hệ tín dụng với Ngân hàng VBank từ tháng 5/2009 do có nhu cầu làm ăn. Chồng bà là ông Nguyễn Khánh H do bận đi làm không xin được nghỉ để đến Tòa án nên bà có ý kiến thay mặt cho ông H. Mọi ý kiến của bà cũng là của ông H. Vì thực tế mọi việc làm thủ tục hồ sơ vay vốn hay thế chấp tài sản tại Ngân hàng đều do bà đứng ra, ông H chỉ tham gia ký kết. Khi trả nợ cũng do bà trả nên ông H cũng không nắm được. Cụ thể, bà đã vay các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng như sau: năm 2014, vay 140.000.000đồng thời hạn 84 tháng; ngày 31/3/2015, vay 100.000.000đồng thời hạn 60 tháng; ngày 6/8/2015, vay 610.000.000đồng thời hạn vay 120 tháng; ngày 6/11/2015, vay 183.000.000đồng thời hạn vay 60 tháng; ngày 23/11/2015, vay 200.000.000đồng; ngày 24/02/2016, vay 490.000.000đồng. Quá trình vay các hợp đồng tín dụng nêu trên bà đã trả gốc và lãi hàng tháng đến tháng 3/2016 thì do việc làm ăn không thuận lợi nên không có khả năng trả nợ từ tháng 4/2016. Mọi khoản vay trên đều nhằm mục đích vay tiêu dùng của gia đình chứ bà không kinh doanh gì hết. Bà không có tranh chấp gì về nội dung cũng như hình thức của các hợp đồng tín dụng mà ông bà đã ký với Ngân hàng, có vay thì phải trả chứ bà không thoái thác.

Bà xác nhận nợ Ngân hàng khoản nợ gốc 1.634.608.862đ và đề nghị Ngân hàng xem xét cho bà được miễn toàn bộ lãi và phí phạt. Bà sẽ trả dần vào gốc và thu xếp bán nhà để trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Để đảm bảo cho những khoản vay trên vợ chồng bà đã ký hợp đồng thế chấp Ngân hàng tài sản nhà đất tại số 2Đ ngõ 5 phố Đ nay là nhà số 6 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H (giấy chứng nhận mang tên vợ chồng bà là ông Nguyễn Khánh H và Nguyễn Thị Hồng D) có diện tích là 32m². Hiện nay trên nhà đất có vợ chồng bà và hai con là Nguyễn Minh T sinh năm 1990; và Nguyễn Khánh H sinh năm 1998. Ngân hàng có ý kiến đề nghị phát mại tài sản nhà đất nếu bà không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì bà đề nghị phải đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà có chỗ ở vì ngoài chỗ ở này ra gia đình bà không còn nơi ở nào khác. Những lần sửa chữa trong nhà bà không xin phép UBND phường, hai vợ chồng bỏ tiền ra sửa nhà năm 2010 và đầu năm 2016; gia đình bà không có ý kiến gì về phần tự cải tạo sửa chữa này, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà cũng đã tìm cách bán nhà để trả khoản nợ cho Ngân hàng tuy nhiên chưa tìm được người mua.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Khánh H. Topu ,n ®· têng ®¹t giÊy b, o, thông báo ®Õn Topu ,n, thông báo hòa giải và các văn bản tố tụng khác nh-ng anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Khánh H kh«ng ®Õn Tòa án làm việc nên Tòa án kh«ng lÊy ®-íc lêi khai, kh«ng tiÕn hnh họp gi¶i ®-íc theo các qui định của pháp luật.

Tại phiên toà:

*Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng xin rút yêu cầu Tòa án buộc ông H bà D phải thanh toán cho VBank tiền phạt chậm trả lãi tính theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn – ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Hồng D phải thanh toán khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, cụ thể: Hợp đồng tín dụng trả góp số LD0915600208 ngày 05/06/2009; Hợp đồng tín dụng số 21012014-089-CN (LD1402400531) ngày 24/01/2014; HĐTD số 3131839 (LD1509000894) ngày 31/03/2015; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 511027 (LD1531000680) ngày 06/11/2015; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 4118676 (LD1521801396) ngày 06/08/2015; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dự phòng kiêm khế ước nhận nợ số 5231326 (LD1532700821) ngày 23/11/2015 và Khế ước nhận nợ lần 02 số 5231326 (LD1605500666) ngày 24/02/2016. Tổng dư nợ tính đến ngày 05/11/2019: **2.758.801.564 đồng (Hai tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu, tám trăm linh một nghìn, năm trăm sáu mươi tư đồng)**. Trong đó: Nợ gốc: **1.634.608.862 đồng**. Nợ lãi: **1.124.192.702 đồng**. Cụ thể:

STT	Số HĐTD	Ngày vay	Gốc phải trả	Lãi phải trả	Tổng gốc + lãi + phạt chậm trả lãi
1	LD1532700821	23/11/2015	490,000,000	295,325,432	785,325,432
2	LD1605500666	24/02/2016	200,000,000	119,458,287	319,458,287
3	LD0915600208	05/06/2009	12,650,000	7,156,253	19,806,253
4	LD1509000894	31/3/2015	81,663,000	56,704,334	138,367,334
5	LD1521801396	06/08/2015	574,419,000	383,482,053	957,901,053
6	LD1402400531	24/01/2014	98,250,000	61,080,434	159,330,434
7	LD1531000680	06/11/2015	177,626,862	200,985,909	378,612,771
Tổng cộng			1,634,608,862	1,124,192,702	2,758,801,564

Và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày khởi kiện đến khi giải quyết xong vụ án.

- Trường hợp bị đơn không thanh toán thì đề nghị Tòa án tuyên trong bản án, VPBank có quyền tự mình xử lý hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: nhà 2D, ngõ 05, phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H (nay là số 06 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và quyền sử dụng đất ở số 10101135197, hồ sơ gốc 4863.2002.QĐUB/22326.2002 do UBND thành phố H cấp ngày 11/07/2002; ngày 19/02/2004 đăng ký sang tên ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số công chứng 7622.09. Quyền số 02/TP/CC –SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng số 1 thành phố H ngày 05/06/2009 và các phụ lục hợp đồng.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Hồng D không có ý kiến tranh chấp gì đối với các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng VBank. Bà xác nhận phải trả cho Ngân hàng VBank khoản nợ gốc 1.634.608.862đ và đề nghị Ngân hàng xem xét cho bà

được miễn toàn bộ lãi và phí phạt. Bà sẽ trả dần vào gốc và thu xếp bán nhà đất đã thế chấp cho Ngân hàng tại số 2Đ ngõ 5 phố Đ nay là nhà số 6 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H để trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

§-íc nhỂn th«ng b, o, quyỐt ®Đnh vụ c, c v"n b¶n do TĐa, n gi¶i quyỐt trong qu, tr×nh chuỀn bĐ xĐt xĐ theo ®Óng quy ®Đnh, ®-íc quyÒn xem, sao lóc c, c tui liỒu do TĐa, n thu thỄp công nh- do c, c b"n ®--ng sù cung cỄp, ®-íc quyÒn ph,t biÓu, hái vụ tranh luỀn t"i phi"n tĐa.

§èi vớ c, c ®--ng sù v¼ng mÆt t"i phi"n tĐa ®Ồu ®· ®-íc tềng ®"t niêm yết híp lỔ vỒ phi"n tĐa n"n viỒc TĐa, n xĐt xĐ v¼ng mÆt hã lụ ®Óng quy ®Đnh t"i §iỒu 72, Điều 73, §iỒu 234 Bé luỄt tè tông dỒn sù năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn xin rút yêu cầu Tòa án buộc ông H bà D phải thanh toán cho VBank tiền phạt chậm trả lãi tính theo các Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ là phù hợp, không trái với quy định nên cần chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D thanh toán cho VBank theo các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ. Tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 05/11/2019: **2.758.801.564 đồng(Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, tám trăm linh một nghìn, năm trăm sáu mươi tư đồng)**. Trong đó: Nợ gốc: **1.634.608.862đồng**. Nợ lãi: **1.124.192.702 đồng**. Xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng xảy ra giữa Ngân hàng TMCP V (VBank) và ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Hồng D là tranh chấp giữa 1 bên doanh nghiệp có tư cách pháp nhân với 1 bên là cá nhân vay với mục đích tiêu dùng nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử vụ án:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn – ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Hồng D hiện có hộ khẩu thường trú và ở tại số 6 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân quận B thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về tố tụng:

Toà án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ 2 cho bị đơn – ông Nguyễn Khánh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Khánh H. Nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn - ông Nguyễn Khánh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Khánh H vắng mặt không có lý do, cho nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Khánh H không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, cụ thể: Hợp đồng tín dụng trả góp kiêm khế ước nhận nợ số LD0915600208 ký ngày 05/06/2009; Hợp đồng tín dụng số 21012014-089-CN (LD1402400531) ký ngày 24/01/2014; HĐTD số 3131839 (LD1509000894) ký ngày 31/03/2015; HĐTD số 4118676 (LD1521801396) ký ngày 06/08/2015; Hợp đồng tín dụng số 511027 kiêm khế ước nhận nợ (LD1531000680) ký ngày 06/11/2015; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dự phòng số 5231326/ khế ước nhận nợ lần 01 (LD1532700821) ngày 23/11/2015; khế ước nhận nợ lần 02 (LD1605500666) ngày 24/02/2016 giữa Ngân hàng VBank với ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Hồng D về hình thức điều đại diện theo uỷ quyền (bên cho vay) ký kết với (bên vay) ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Hồng D; được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên. Về nội dung của các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ được ký kết với sự thỏa thuận của 02 bên liên quan đến khoản tiền cho vay, lãi suất tiền vay, lãi suất nợ quá hạn, tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay, quyền và nghĩa vụ các bên trong việc thực hiện hợp đồng. Như vậy, hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ trên phù hợp pháp luật, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Sau khi nhận số tiền vay, ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Hồng D đã không trả nợ theo cam kết vi phạm các thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ; do đó, ngân hàng VBank chuyển sang nợ quá hạn là có cơ sở pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông H bà D phải trả các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ. Tổng dư nợ tính đến ngày 05/11/2019: **2.758.801.564 đồng(Hai tỷ**

bảy trăm năm mươi tám triệu, tám trăm linh một nghìn, năm trăm sáu mươi tư đồng). Cụ thể:

STT	Số HĐTD	Ngày vay	Gốc phải trả	Lãi phải trả	Tổng gốc + lãi + phạt chậm trả lãi
1	LD1532700821	23/11/2015	490,000,000	295,325,432	785,325,432
2	LD1605500666	24/02/2016	200,000,000	119,458,287	319,458,287
3	LD0915600208	05/06/2009	12,650,000	7,156,253	19,806,253
4	LD1509000894	31/3/2015	81,663,000	56,704,334	138,367,334
5	LD1521801396	06/08/2015	574,419,000	383,482,053	957,901,053
6	LD1402400531	24/01/2014	98,250,000	61,080,434	159,330,434
7	LD1531000680	06/11/2015	177,626,862	200,985,909	378,612,771
Tổng cộng			1,634,608,862	1,124,192,702	2,758,801,564

Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu Tòa án ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Hồng D phải thanh toán cho Ngân hàng VBank tiền phạt chậm trả lãi tính theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn cũng phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp bị đơn không thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp, nếu phát mại không đủ để thanh toán nợ thì bị đơn tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ với Ngân hàng. Ông Nguyễn Khánh H, bà Nguyễn Thị Hồng D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ.

[5] Về yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: nhà 2D, ngõ 05, phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H (nay là số 06 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và quyền sử dụng đất ở số 10101135197, hồ sơ gốc 4863.2002.QĐUB/22326.2002 do UBND thành phố H cấp ngày 11/07/2002; ngày 19/02/2004 đăng ký sang tên ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D.

Xét Hợp đồng thế chấp số 7622.09. Quyền số 02/TP/CC –SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng số 1 thành phố H ngày 05/06/2009 và các phụ lục hợp đồng đã ký giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng VBank và bên thế chấp – ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D: về hình thức đều do chủ sở hữu hợp pháp của tài sản cũng đồng thời là bên vay ký kết với người có thẩm quyền đại diện cho Ngân hàng. Ngày 04/10/2014, Bên nhận thế chấp - Ngân hàng VBank đã ký đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký gửi Văn phòng đăng ký đất đai H và đã được chứng nhận vào ngày 10/10/2014; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005 vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng VBank được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: nhà 2D, ngõ 05, phố Đ,

phường Đ, quận B, thành phố H (nay là số 06 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và quyền sử dụng đất ở số 10101135197, hồ sơ gốc 4863.2002.QĐUB/22326.2002 do UBND thành phố H cấp ngày 11/07/2002; ngày 19/02/2004 đăng ký sang tên ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D là có cơ sở được chấp nhận.

Theo biên bản xem xét thực tế vụ thêm thành viên chức của Tòa án ngày 19/8/2019 tại nhà 2D, ngõ 05, phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H (nay là số 06 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H) có vợ chồng ông H bà D và hai con là anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Khánh H đang ăn ở;

Ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu sau khi đã khấu trừ giá trị tài sản phát mãi.

Ngân hàng VBank tiếp tục quản lý hồ sơ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về án phí: Bị đơn - ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ phải thanh toán trả nguyên đơn là 87.176.031 đồng.

Nguyên đơn: Ngân hàng VBank không phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 39.700.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Luận cứ và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 342; 343; 348; 349; 355; 401; 402; 403; 404; 405; 471; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 688 Bộ Luật Dân sự 2015;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTƯQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Mục II danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

Xö:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D.

II. Buộc ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VBank toạ tại số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM theo Hợp đồng tín dụng trả góp kiêm khế ước nhận nợ số LD0915600208 ký ngày 05/06/2009; Hợp đồng tín dụng số 21012014-089-CN (LD1402400531) ký ngày 24/01/2014; HĐTD số 3131839 (LD1509000894) ký ngày 31/03/2015; HĐTD số 4118676 (LD1521801396) ký ngày 06/08/2015; Hợp đồng tín dụng số 511027 kiêm khế ước nhận nợ (LD1531000680) ký ngày 06/11/2015; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dự phòng số 5231326/ khế ước nhận nợ lần 01 (LD1532700821) ngày 23/11/2015; khế ước nhận nợ lần 02 (LD1605500666) ngày 24/02/2016. Tổng dư nợ tính đến ngày 05/11/2019: **2.758.801.564 đồng (Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, tám trăm linh một nghìn, năm trăm sáu mươi tư đồng).** Cụ thể:

STT	Số HĐTD	Ngày vay	Gốc phải trả	Lãi phải trả	Tổng gốc + lãi + phạt chậm trả lãi
1	LD1532700821	23/11/2015	490,000,000	295,325,432	785,325,432
2	LD1605500666	24/02/2016	200,000,000	119,458,287	319,458,287
3	LD0915600208	05/06/2009	12,650,000	7,156,253	19,806,253
4	LD1509000894	31/3/2015	81,663,000	56,704,334	138,367,334
5	LD1521801396	06/08/2015	574,419,000	383,482,053	957,901,053
6	LD1402400531	24/01/2014	98,250,000	61,080,434	159,330,434
7	LD1531000680	06/11/2015	177,626,862	200,985,909	378,612,771
Tổng cộng			1,634,608,862	1,124,192,702	2,758,801,564

Kể từ ngày kế tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

III. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, trường hợp ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: nhà 2D, ngõ 05, phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H (nay là số 06 ngõ 79 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và quyền sử dụng đất ở số 10101135197, hồ sơ gốc 4863.2002.QĐUB/22326.2002 do UBND thành phố H cấp ngày 11/07/2002; ngày 19/02/2004 đăng ký sang tên ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D theo Hợp đồng thế chấp số 7622.09. Quyền số 02/TP/CC –SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng số 1 thành phố H ngày 05/06/2009 và các phụ lục hợp đồng thế chấp.

Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Khánh H và bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **87.176.031đồng** (*tám mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi một đồng*).

Ngân hàng TMCP V được trả lại số tiền tạm ứng án phí là: **39.700.000đồng** (*ba mươi chín triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005562 nộp ngày 13/06/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

V. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Hồng D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn - ông Nguyễn Khánh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Khánh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Phương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên toà

